**ĐẶC TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số ……………………….. ngày ...... tháng ….. năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)*

Quản trị khách sạn trình độ đại học là ngành, nghề quản lý trực tiếp, hàng ngày các bộ phận và gián tiếp phục vụ khách du lịch trong khách sạn như: Buồng, lễ tân, nhà hàng, chế biến món ăn, kế toán, kinh doanh và tiếp thị, nhân sự, an ninh, kỹ thuật..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các công việc của ngành, nghề chủ yếu được thực hiện tại các bộ phận trong khách sạn hoặc các cơ sở kinh doanh lưu trú nên môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi, đảm bảo an toàn - vệ sinh và sức khỏe. Cường độ làm việc không cao nhưng chịu áp lực lớn về thời gian phục vụ và yêu cầu đảm bảo sự hài lòng đa dạng của khách du lịch.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ, cần phải đảm bảo các điều kiện làm việc thiết yếu như: kiến trúc nhà cửa và quy hoạch mặt bằng khách sạn hợp lý, các loại thiết bị, dụng cụ phù hợp với tiêu chuẩn của từng công việc; các phần mềm quản trị; hệ thống thông tin liên lạc tốt; và có các quy định nội bộ về tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ và quản lý.

Để hành nghề, người lao động phải có sức khỏe tốt, có ngoại hình phù hợp, đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2790 giờ (tương đương 124 tín chỉ).

# 1.Thông tin chung về Chương trình đào tạo

# 1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn được xây dựng lần đầu năm 2016, thuộc quản lý chuyên môn của Khoa Du lịch (theo Quyết định số 703 ngày 7 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long). Chương trình đào tạo đặt mục tiêu là đào tạo toàn diện cả về chuyên môn và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho cử nhân chuyên ngành Quản trị khách sạn.

Về khối kiến thức đại cương, chương trình đào tạo bao gồm kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật; ngoại ngữ (tiếng Anh), công nghệ thông tin; Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

Về khối kiến thức ngành, chương trình đào tạo chú trọng kết hợp lý thuyết với thực tiễn kinh doanh, bằng cách liên kết với các cơ sở lưu trí, kinh doanh khách sạn, du thuyền… trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh. Tại các cơ sở này, sinh viên sẽ được thực tập để tích lũy kinh nghiệm, củng cố và phát triển chuyên môn nghiệp vụ. Chương trình đào tạo tập trung vào đào tạo nghiệp vụ khách sạn theo tiêu chuẩn Kỹ năng nghề du lịch Việt Nam VTOS và kỹ năng lãnh đạo, quản lý các bộ phận trong khách sạn nhằm có được nguồn lao động du lịch khách sạn chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, đồng thời chú trọng đào tạo năng lực nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với bảo vệ môi trường, phát triển du lịch bền vững.

# 1.2. Thông tin chung

Tên chương trình: Cử nhân Quản trị khách sạn

Trình độ đào tạo: Đại học.

Ngành đào tạo: Quản trị khách sạn

Mã ngành: **52340107**

Loại hình đào tạo: Chính quy.

Tên văn bằng: Cử nhân Quản trị khách sạn

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Hạ Long.

Cơ sở tổ chức giảng dạy: Khoa Du lịch Trường Đại học Hạ Long.

# 1.3. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lí giáo dục của Trường Đại học Hạ Long

**Sứ mạng**: Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Quảng Ninh và cả nước.

**Tầm nhìn**: Đến năm 2030, Trường Đại học Hạ Long trở thành một trong những cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng có uy tín, đặc biệt là có vị thế hàng đầu trong cả nước về đào tạo nhân lực thuộc lĩnh vực du lịch và ngôn ngữ.

**Triết lí giáo dục**: "Học đi đôi với hành, học để làm người, học để thành công"

Tư tưởng có tính chất kim chỉ nam, định hướng mọi hành động, hoạt động giáo dục của Nhà trường là: "Học đi đôi với hành, học để làm người, học để thành công". Triết lí này là quan niệm nền tảng mà đội ngũ cán bộ, giảng viên, người lao động và đội ngũ sinh viên cần tuân theo để đạt mục tiêu đào tạo, để người học đạt chuẩn đầu ra của ngành học, sau khi tốt nghiệp thành công trong cuộc sống; để Nhà trường hoàn thành sứ mạng được giao, đạt được tầm nhìn mong muốn, tạo lập được các giá trị cốt lõi: Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.

**Giá trị cốt lõi**: “Chất lượng, Sáng tạo, Nhân văn”

Những giá trị được Trường Đại học Hạ Long xây dựng, bảo vệ và phát triển trở thành nền tảng định hướng mọi hoạt động là:

Chất lượng (CV1): Trường Đại học Hạ Long luôn đặt chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học lên hàng đầu trong mọi hoạt động xây dựng và phát triển của Nhà trường. Mọi sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường đều phục vụ một cách hiệu quả cho xã hội, vì lợi ích cộng đồng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

Sáng tạo (CV2): Động lực phát triển của Nhà trường là đổi mới, sáng tạo dựa trên kế thừa những thành quả đã đạt được, tiếp thu tri thức, kinh nghiệm của nhân loại, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp. Các thành viên của Nhà trường được khuyến khích theo đuổi các ý tưởng mới, liên tục khám phá, đổi mới, tạo lập sản phẩm mới, giá trị mới đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

Nhân văn (CV3): Các giá trị của Nhà trường được tạo lập trên nguyên tắc tôn trọng con người, tôn trọng các cá nhân và tôn trọng sự khác biệt, tinh thần sẻ chia và hợp tác cùng phát triển.

# 1.4. Mục tiêu đào tạo

## 1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Quản trị khách sạn có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản và nâng cao của ngành dịch vụ nói chung, ngành Khách sạn nói riêng vào hoạt động du lịch đặc thù của Quảng Ninh, trong nước và hội nhập quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn có khả năng kết hợp kiến thức lý thuyết với kỹ năng phân tích, đánh giá thực tiễn, khả năng tư duy để giải quyết các vấn đề liên quan và các kỹ năng mềm thiết yếu phục vụ công việc, cuộc sống.

## 1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo sinh viên ngành Quản trị khách sạn:

- PO1: Có phẩm chất chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, pháp luật vận dụng hiệu quả vào công việc chuyên môn, cuộc sống.

- PO2: Có kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế, khoa học quản lý, quản trị kinh doanh, cũng như các kiến thức chuyên sâu về kinh doanh du lịch, quản trị khách sạn và các loại hình dịch vụ khác.

- PO3: Có năng lực thực hiện thành thạo, chuyên nghiệp các nghiệp vụ khách sạn (lễ tân, phục vụ phòng, phục vụ ăn uống, pha chế đồ uống) đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

- PO4: Có trình độ quản lý, giám sát, điều hành dịch vụ như: quản lý sản phẩm dịch vụ, quản lý nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính, marketing.

- PO5: Có năng lực sử dụng ngoại ngữ (Tiếng Anh) và công nghệ thông tin để làm việc trong lĩnh vực du lịch khách sạn.

- PO6: Có khả năng khởi nghiệp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thích nghi với môi trường làm việc; đào tạo, huấn luyện chuyên môn.

# 1.5. Chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

| **Nhóm CĐR** | **Mã CĐR** | **Chi tiết** |
| --- | --- | --- |
| Kiến thức | PLO1 | Hiểu biết về lý luận chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật; kiến thức cơ bản về đường lối an ninh quốc phòng của Đảng và Nhà nước vận dụng trong du lịch. |
| PLO2 | Phân tích, tổng hợp các vấn đề kinh tế, kinh tế du lịch, môi trường, phương pháp quản trị, kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, nghiệp vụ văn phòng, phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong phát triển du lịch bền vững. |
|  | PLO3 | Trình bày được những hiểu biết khái quát về tổ chức khách sạn, sản phẩm dịch vụ, đặc điểm kinh doanh khách sạn, tâm lý khách du lịch. |
| Kỹ năng | PLO4 | Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ khách sạn theo tiêu chuẩn VTOS: lễ tân, phục vụ buồng, phục vụ ăn uống, pha chế đồ uống để có năng lực xây dựng quy trình làm việc, tổ chức dịch vụ, đào tạo, huấn luyện nhân viên mới, giao tiếp, chăm sóc khách hàng. |
| PLO5 | Nêu và thực hiện được các nguyên lý, quy trình quản lý, giám sát, điều hành dịch vụ các bộ phận (lễ tân, buồng, nhà hàng, pha chế) như: xây dựng sản phẩm, quản lý chất lượng, giá bán, quản lý nhân sự, tài chính, marketing. |
| PLO6 | Quản lý được các loại hình dịch vụ đặc thù của du lịch Quảng Ninh (du thuyền, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí, sự kiện du lịch) khi lựa chọn học tập như: thiết lập mô hình, tổ chức dịch vụ, quản lý các nguồn lực. |
| PLO7 | Ứng dụng được kiến thức, kĩ năng CNTT vào công việc quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông). |
| PLO8 | Sử dụng tiếng Anh trong công việc, cuộc sống ở mức căn bản, đạt chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. |
| Mức tự chủ và trách nhiệm | PLO9 | Trung thực, thân thiện, giúp đỡ, bảo mật thông tin, ý thức tổ chức kỉ luật, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động |
| PLO10 | Khả năng nghiên cứu, học tập suốt đời: Kỹ năng khởi nghiệp, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả, giải quyết vấn đề , đào tạo và đánh giá nhân viên, quản lý thời gian và sự thay đổi.  |

**Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu (POs) và CĐR của CTĐT (PLOs)**

| **POs** | **PLOs** |
| --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **1** | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |
| **2** |  | x | x |  |  |  | x |  |  | x |
| **3** |  |  | x | x | x | x | x |  |  | x |
| **4** |  |  |  | x | x | x | x | x | x | x |
| **5** |  |  |  | x | x | x | x | x | x | x |
| **6** | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |

**Bảng 2. Đối sánh CĐR với khung trình độ quốc gia**

| **PLOs** | Kiến thức (KT) | Kĩ năng (KN) | Mức tự chủ và trách nhiệm (TCTN) |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **1** |  | x |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  | x |  |  | x |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |
| **4** |  |  |  | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| **5** |  |  |  | x | x | x | x | x | x | x |  | x | x | x | x |
| **6** |  |  |  | x | x | x | x | x | x | x |  | x | x | x | x |
| **7** |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  | x | x | x |
| **8** |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x |  | x | x |  |  |
| **9** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x |  | x | x | x |
| **10** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  | x | x | x |

# 1.6. Triển vọng nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Tổ trưởng, trưởng ca, giám sát, trưởng bộ phận, quản lý khách sạn.

- Nhân viên các phòng nhân sự, hành chính, bán hàng trong khách sạn.

- Chuyên viên phòng du lịch, sở du lịch quản lý các cơ sở lưu trú du lịch.

- Đào tạo viên nghề du lịch khách sạn.

- Tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học về lĩnh vực du lịch khách sạn.

# 1.7. Tiêu chí tuyển sinh

Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Vùng tuyển: Toàn quốc

Quy chế, xét tuyển: Theo quy định của quy chế tuyển sinh đại học hiện hành.

# 1.8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hệ thống tín chỉ. Quy trình đào tạo theo quy định tại Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hạ Long. Khoá học được thiết kế theo các năm học, học kì. Thời gian tối đa cho phép để hoàn thành chương trình là 06 năm. Chương trình đào tạo có đề xuất cho sinh viên một lộ trình học tập chung. Trên cơ sở thực tế và khả năng bản thân, sinh viên có thể đăng kí học theo chiến lược học tập riêng. Sinh viên phải hoàn thành khối lượng kiến thức theo ba nhóm học phần sau:

Học phần bắt buộc: Là các học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của chương trình đào tạo và bắt buộc mọi sinh viên phải học và tích lũy (đạt được);

Học phần tự chọn: Là các học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng viên có quyền lựa chọn tùy theo nguyện vọng, nhưng phải đảm bảo đủ tổng số tín chỉ theo quy định;

Học phần chung: Là các học phần được giảng dạy và học tập chung cho các ngành theo quy định của Bộ GD&ĐT, các học phần chung bao gồm: Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục thể chất, Lý luận chính trị…

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Thực tập giáo trình: Ngoài các học phần được tổ chức giảng dạy tập trung tại trường, sinh viên phải tham dự đầy đủ các các đợt thực tập. Mục đích, nội dung, thời gian, địa điểm thực tập, giảng viên hướng dẫn, phương pháp đánh giá kết quả thực tập của sinh viên được nêu rõ trong đề cương thực tập nghề nghiệp do Khoa xây dựng trước mỗi đợt thực tập.

Điều kiện tốt nghiệp: Điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hạ Long.

Để hoàn tất Chương trình, vào đầu học kỳ cuối khoá học, Khoa sẽ xét để sinh viên thực hiện một trong 2 hình thức sau:

1) Thực hiện Khoá luận tốt nghiệp

Chỉ tiêu sinh viên được chọn làm khoá luận theo quy định Trường Đại học Hạ Long. Cơ sở để xét chọn sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp là dựa vào điểm trung bình tích lũy từ cao đến thấp.

Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp.

2) Hoàn thành các học phần thay thế khóa luận:

Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

# 1.9. Chiến lược dạy học và Phương pháp đánh giá

## 1.9.1. Chiến lược dạy học

Chiến lược dạy học được xác định dựa trên quan điểm *Học đi đôi với hành*. Nhà trường tập trung tất cả các nguồn lực nhằm hỗ trợ người học phát huy tối đa tiềm năng, sở trường của người học qua việc đa dạng các hoạt động, hình thức và phương pháp, kĩ thuật dạy học. Cụ thể: Học trực tiếp, kết hợp với tự học, học tập tương tác đối với những nội dung, tín chỉ lý thuyết. Học trải nghiệm (thực tế, thực hành, thực tập, thí nghiệm, nghiên cứu thực tế, …) kết hợp với học gián tiếp đối với những nội dung, học phần thực hành, thực tập, khoá luận tốt nghiệp, … Sinh viên được học lý thuyết, rèn kĩ năng thực hành thông qua các hoạt động học tập.

## 1.9.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp và hình thức đánh giá được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần. Tuỳ thuộc vào nội dung, mục đích của học phần, giảng viên và đơn vị phụ trách học phần đề xuất phương pháp và hình thức đánh giá cụ thể. Các học phần đều được đánh giá kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết với hình thức (viết; vấn đáp; báo cáo đề án, bài tập lớn, khoá luận; ….). Dữ liệu đánh giá được công bố công khai tới từng sinh viên.

# 2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

# 2.1. Cấu trúc chương trình

**Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 124 tín chỉ

*(Không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh).*

**Bảng 4. Cấu trúc chương trình đào tạo**

| **TT** | **Nhóm kiến thức** | **Số tín chỉ****(LT; TH)** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Kiến thức đại cương**  | **27 (22%)****(17; 10))** |
| 1.1 | Lý luận chính trị - Pháp luật: 14 Tín chỉ |
| 1.2 | Ngoại ngữ - Toán tin: 11 |
|  | Tự chọn : 2 |  |
| **2** | **Kiến thức cơ sở ngành** | **24(19%)****(22; 2)** |
|  + Bắt buộc: 22 Tín chỉ + Tự chọn: 02Tín chỉ |
| **3** | **Kiến thức chuyên ngành** | **55 (44%)****(38; 17)** |
|  + Bắt buộc: 51 Tín chỉ + Tự chọn: 4 Tín chỉ |
| **4** | **Thực tập, Đồ án tốt nghiệp** |  |
|  |  + Thực tập: 12 Tín chỉ + Tốt nghiệp: 06 Tín chỉ | **18 (15%)****(0; 18)** |
| **Tổng cộng** | **124****77 (62%);** **47 (38%)** |

# 2.2. Kế hoạch thực hiện chương trình

| **TT** | **KHỐI KIẾN THỨC** | **Mã** | **Số** | **Loại TC** | **Số** | **Học kỳ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **học phần** | **tín chỉ** | **LT** | **TH** | **tiết** | **(đề xuất)** |
| **A** | **GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | **A** | **27** | **17** | **10** | **555** |  |
| **A1** | **Bắt buộc** |  | **25** | **16** | **9** | **510** |  |
| **I** | **Lý luận chính trị - Pháp luật** |  | **14** | **14** | **0** | **210** |  |
| 1 | Triết học Mác - Lênin | CB601001 | 3 | 3 | 0 | 45 | 3 |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | CB601002 | 2 | 2 | 0 | 30 | 4 |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | CB601003 | 2 | 2 | 0 | 30 | 5 |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | CB601004 | 2 | 2 | 0 | 30 | 6 |
| 5 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | CB601005 | 2 | 2 | 0 | 30 | 7 |
| 6 | Pháp luật đại cương | CB601007 | 3 | 3 | 0 | 45 | 4 |
| **II** | **Ngoại ngữ - Tin học** |  | **11** | **2** | **9** | **300** |  |
| 7 | Tiếng Anh 1 | NN602131 | 2 | 0 | 2 | 60 | 1 |
| 8 | Tiếng Anh 2 | NN602132 | 2 | 0 | 2 | 60 | 2 |
| 9 | Tiếng Anh 3 | NN602133 | 2 | 0 | 2 | 60 | 3 |
| 10 | Tiếng Anh 4 | NN602134 | 2 | 0 | 2 | 60 | 4 |
| 11 | Tin học ứng dụng | IT601001 | 3 | 2 | 1 | 60 | 2 |
| **III** | **Giáo dục thể chất** |  | **3\*** | **0\*** | **3\*** | **90\*** |  |
| 12 | Giáo dục thể chất 1 | CB601022 | 1\* | 0\* | 1\* | 30\* | 1 |
| 13 | Giáo dục thể chất 2 | CB601023 | 2\* | 0\* | 2\* | 60\* | 2 |
| **IV** | **Giáo dục Quốc phòng - An ninh** | CB601024 | **8\*** | **0\*** | **8\*** | **165\*** |  |
| **A2** | **Tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)** |  | **2** | **1** | **1** | **45** |  |
|   | Soạn thảo văn bản  | SP601033 | 2\* | 1 | 1 | 45\* | 3 |
| 14 | Nghiệp vụ văn phòng  | CB601011 | 2 | 1 | 1 | 45 | 3 |
| **B** | **GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | **B** | **79** | **60** | **19** | **1470** |  |
| **B1** | **Kiến thức cơ sở ngành** |  | **24** | **22** | **2** | **390** |  |
| **I** | **Bắt buộc** |  | **22** | **20** | **2** | **360** |  |
| 15 | Xác xuất - Thống kê  | SP605036 | 3 | 3 | 0 | 45 | 1 |
| 16 | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học | SP601031 | 2 | 1 | 1 | 45 | 5 |
| 17 | Kinh tế vi mô | DL606026 | 2 | 2 | 0 | 30 | 1 |
| 18 | Kinh tế vĩ mô | DL606027 | 2 | 2 | 0 | 30 | 2 |
| 19 | Kinh tế du lịch | DL605001 | 3 | 3 | 0 | 45 | 1 |
| 20 | Quản trị học | DL606029 | 2 | 2 | 0 | 30 | 2 |
| 21 | Nguyên lý kế toán | DL606030 | 2 | 2 | 0 | 30 | 6 |
| 22 | Tài chính tiền tệ | DL606031 | 2 | 2 | 0 | 30 | 5 |
| 23 | Thanh toán quốc tế trong du lịch  | DL606032 | 2 | 2 | 0 | 30 | 6 |
| 24 | Luật kinh tế | CB605009 | 2 | 1 | 1 | 45 | 5 |
| **II** | **Tự chọn (chọn 1 trong 3 HP)** |  | **2** | **2** | **0** | **30** |  |
| 25 | Cơ sở văn hóa Việt Nam  | VH602005 | 2 | 2 | 0 | 30 | 1 |
|   | Địa chí Quảng Ninh  | VH602013 | 2\* | 2\* | 0 | 30\* | 5\* |
|   | Tiến trình lịch sử Việt Nam  | SP605002 | 2\* | 2\* | 0 | 30\* | 3\* |
| **B2** | **Kiến thức ngành** |  | **55** | **38** | **17** | **1080** |  |
| **I** | **Bắt buộc** |  | **51** | **35** | **16** | **1005** |  |
| 26 | Tổng quan kinh doanh khách sạn  | DL606033 | 3 | 3 | 0 | 45 | 2 |
| 27 | Tâm lý khách du lịch | DL605006 | 2 | 2 | 0 | 30 | 1 |
| 28 | Giao tiếp trong kinh doanh  | DL605007 | 2 | 2 | 0 | 30 | 2 |
| 29 | Marketing du lịch | DL605009 | 3 | 3 | 0 | 45 | 6 |
| 30 | Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch | DL606034 | 2 | 2 | 0 | 30 | 6 |
| 31 | Quản trị nhân lực du lịch | DL605016 | 2 | 2 | 0 | 30 | 6 |
| 32 | Nghiệp vụ chế biến món ăn cơ bản | DL607055 | 2 | 0 | 2 | 60 | 3 |
| 33 | Nghiệp vụ buồng khách sạn  | DL606035 | 3 | 0 | 3 | 90 | 3 |
| 34 | Nghiệp vụ lễ tân  | DL606038 | 3 | 0 | 3 | 90 | 3 |
| 35 | Nghiệp vụ pha chế đồ uống | DL606036 | 3 | 0 | 3 | 90 | 4 |
| 36 | Nghiệp vụ nhà hàng  | DL606037 | 3 | 0 | 3 | 90 | 4 |
| 37 | Quản trị buồng khách sạn | DL606039 | 2 | 2 | 0 | 30 | 5 |
| 38 | Quản trị lễ tân khách sạn  | DL606041 | 3 | 3 | 0 | 45 | 5 |
| 39 | Quản trị bar và đồ uống  | DL606040 | 2 | 2 | 0 | 30 | 7 |
| 40 | Quản trị nhà hàng | DL607057 | 3 | 3 | 0 | 45 | 7 |
| 41 | Tổ chức sự kiện  | DL607056 | 3 | 3 | 0 | 45 | 8 |
| 42 | Giám sát khách sạn | DL606042 | 2 | 2 | 0 | 30 | 7 |
| 43 | Quản trị khu nghỉ dưỡng | DL606050 | 2 | 2 | 0 | 30 | 8 |
| 44 | Quản trị du lịch tàu thủy  | DL606051 | 2 | 2 | 0 | 30 | 8 |
| 45 | Quản trị dịch vụ giải trí | DL606052 | 2 | 2 | 0 | 30 | 8 |
| 46 | Tiếng Anh chuyên ngành du lịch  | NN605036 | 2 | 0 | 2 | 60 | 5 |
| **II** | **Tự chọn (chọn 2 trong 4 HP sau)** |  | **4** | **3** | **1** | **75** |  |
|   | Quản trị du lịch MICE | DL607058 | 2\* | 2\* | 0 | 30\* | 6\* |
| 47 | Lễ tân ngoại giao  | DL606044 | 2 | 2 | 0 | 30 | 6 |
| 48 | Kỹ năng thuyết trình và đàm phán | DL605017 | 2 | 1 | 1 | 45 | 7 |
|   | An ninh khách sạn  | DL606045 | 2\* | 2\* | 0 | 30\* | 7\* |
| **C** | **THỰC HÀNH, THỰC TẬP** | **C** | **12** | **0** | **12** | **495** |  |
|   | Thực tập 1 (4 tuần) | DL606046 | 2 | 0 | 2 | 90 | 2 |
|   | Thực tập 2 (8 tuần ) | DL606047 | 4 | 0 | 4 | 135 | 4 |
|   | Thực tập 3 (12 tuần) | DL606048 | 6 | 0 | 6 | 270 | 7 |
| **D** | **TỐT NGHIỆP** | **D** | **6** | **0** | **6** | **270** |  |
|   | KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP | DL606049 | 6 | 0 | 6 | 270 | 8 |
|   | HP THAY KLTN |   | 6\* |  |   |   | 8 |
| 49 | Khởi nghiệp kinh doanh  | DL605018 | 2\* |   |   |   |   |
| 50 | Du lịch trách nhiệm  | DL606028 | 2\* |   |   |   |   |
| 51 | Quản trị thương hiệu | DL606043 | 2\* |   |   |   |   |
|  | **Tổng cộng**  |   | **124** | **77** | **47** | **2790** |  |
| **E** | **NGOẠI KHÓA (chọn 1- 3)** |   |  |  |  |  |   |
| 1 | Lái xe ô tô |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Khiêu vũ quốc tế |   |   |   |   |   |   |
| 3 | Nghệ thuật cắm hoa và trang điểm |   |   |   |   |   |   |

**Bảng 6. Tiến trình học tập đề xuất**

| **TT** | **Học phần** | **TC** | **LT** | **TH** | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Học kì 1** |  |  |  |  |
|  | Tiếng Anh 1 | 2 | 0 | 2 | **14 tín chỉ** |
|  | Giáo dục thể chất 1 | 1\* | 0\* | 1\* |
|  | Xác xuất - Thống kê  | 3 | 3 | 0 |
|  | Kinh tế vi mô | 2 | 2 | 0 |
|  | Kinh tế du lịch | 3 | 3 | 0 |
|  | Cơ sở văn hóa Việt Nam  | 2 | 2 | 0 |
|  | Tâm lý khách du lịch | 2 | 2 | 0 |
|  | **Học kì 2** |  |  |  |  |
|  | Tiếng Anh 2 | 2 | 0 | 2 | **16 tín chỉ** |
|  | Tin học ứng dụng | 3 | 2 | 1 |
|  | Giáo dục thể chất 2 | 2\* | 0\* | 2\* |
|  | Kinh tế vĩ mô | 2 | 2 | 0 |
|  | Quản trị học | 2 | 2 | 0 |
|  | Tổng quan kinh doanh khách sạn  | 3 | 3 | 0 |
|  | Giao tiếp trong kinh doanh  | 2 | 2 | 0 |
|  | Thực tập 1 (4 tuần) | 2 | 0 | 2 |
|  | **Học kì 3** |  |  |  |  |
|  | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 | **15 tín chỉ** |
|  | Tiếng Anh 3 | 2 | 0 | 2 |
|  | Soạn thảo văn bản  | 2\* | 1 | 1 |
|  | Nghiệp vụ văn phòng  | 2 | 1 | 1 |
|  | Nghiệp vụ chế biến món ăn cơ bản | 2 | 0 | 2 |
|  | Nghiệp vụ buồng khách sạn  | 3 | 0 | 3 |
|  | Nghiệp vụ lễ tân  | 3 | 0 | 3 |
|  | **Học kì 4** |  |  |  |  |
|  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 | **17 tín chỉ** |
|  | Pháp luật đại cương | 3 | 3 | 0 |
|  | Tiếng Anh 4 | 2 | 0 | 2 |
|  | Nghiệp vụ pha chế đồ uống | 3 | 0 | 3 |
|  | Nghiệp vụ nhà hàng  | 3 | 0 | 3 |
|  | Thực tập 2 (8 tuần ) | 4 | 0 | 4 |
|  | **Học kì 5** |  |  |  |  |
|  | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 | **15 tín chỉ** |
|  | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học | 2 | 1 | 1 |
|  | Tài chính tiền tệ | 2 | 2 | 0 |
|  | Luật kinh tế | 2 | 1 | 1 |
|  | Quản trị buồng khách sạn | 2 | 2 | 0 |
|  | Quản trị lễ tân khách sạn  | 3 | 3 | 0 |
|  | Tiếng Anh chuyên ngành du lịch  | 2 | 0 | 2 |
|  | **Học kì 6** |  |  |  |  |
|  | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 | **15 tín chỉ** |
|  | Nguyên lý kế toán | 2 | 2 | 0 |
|  | Thanh toán quốc tế trong du lịch  | 2 | 2 | 0 |
|  | Marketing du lịch | 3 | 3 | 0 |
|  | Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch | 2 | 2 | 0 |
|  | Quản trị nhân lực du lịch | 2 | 2 | 0 |
|  | Lễ tân ngoại giao  | 2 | 2 | 0 |
|  | **Học kì 7** |  |  |  |  |
|  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 | **17 tín chỉ** |
|  | Quản trị bar và đồ uống  | 2 | 2 | 0 |
|  | Quản trị nhà hàng | 3 | 3 | 0 |
|  | Giám sát khách sạn | 2 | 2 | 0 |
|  | Kỹ năng thuyết trình và đàm phán | 2 | 1 | 1 |
|  | Thực tập 3 (12 tuần) | 6 | 0 | 6 |
|  | **Học kì 8** |  |  |  |  |
|  | Tổ chức sự kiện  | 3 | 3 | 0 | **15 tín chỉ** |
|  | Quản trị khu nghỉ dưỡng | 2 | 2 | 0 |
|  | Quản trị du lịch tàu thủy  | 2 | 2 | 0 |
|  | Quản trị dịch vụ giải trí | 2 | 2 | 0 |
|  | KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP | 6 | 0 | 6 |
|  | HP THAY KLTN | 6\* |  |   |

**Bảng 7. Đối sánh các học phần với CĐR của CTĐT (PLOs)**

| **Học phần** | **Mã** | **PLOs** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| Triết học Mác - Lênin | LLCT1 | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kinh tế chính trị Mác - Lênin | LLCT2 | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chủ nghĩa xã hội khoa học | LLCT3 | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh | LLCT4 | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Lịch sử Đảng Cộng sản VN | LLCT5 | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Pháp luật đại cương | LAW1001 | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tiếng Anh 1 | ENG1001 |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| Tiếng Anh 2  | ENG1002 |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| Tiếng Anh 3 | ENG1003 |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| Tiếng Anh nâng cao 1 | NN601034 |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| Tiếng Anh nâng cao 2 | NN601035 |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| Tin học ứng dụng | INT1001 |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| Giáo dục thể chất 1 | PHG1001 | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Giáo dục thể chất 2 | PHG1002 | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Soạn thảo văn bản  | VLL1002 |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| Nghiệp vụ văn phòng  | VLL1003 |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Xác xuất - Thống kê  | MAT1001 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học | PSY2014 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |
| Kinh tế vi mô | DL606026 |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kinh tế vĩ mô | DL606027 |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kinh tế du lịch | DL605001 |  | x | x |  |  |  |  |  |  |  |
| Văn hóa ẩm thực | DL607054 | x |  | x |  |  |  |  |  | x |  |
| Quản trị học | DL606029 |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Nguyên lý kế toán | DL606030 |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tài chính tiền tệ | DL606031 |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thanh toán quốc tế trong DL | DL606032 |  | x | x | x | x | x |  |  |  |  |
| Luật kinh tế | CB605009 | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cơ sở văn hóa Việt Nam  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Địa chí Quảng Ninh  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| Tiến trình lịch sử Việt Nam  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng quan kinh doanh KS | DL606033 |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tâm lý khách du lịch | DL605006 |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x |
| Giao tiếp trong kinh doanh  | DL605007 |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x |
| Marketing du lịch | DL605009 |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| Quản trị chất lượng dịch vụ DL | DL606034 |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| Quản trị nhân lực du lịch | DL605016 |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| Nghiệp vụ chế biến món ăn cơ bản | DL607055 |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Nghiệp vụ buồng khách sạn  | DL606035 |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| Nghiệp vụ pha chế đồ uống | DL606036 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| Nghiệp vụ nhà hàng  | DL606037 |  |  | x | x | x |  |  |  |  |  |
| Nghiệp vụ lễ tân  | DL606038 |  |  | x | x | x |  |  |  |  |  |
| Quản trị buồng khách sạn | DL606039 |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  |
| Quản trị bar và đồ uống  | DL606040 |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  |
| Quản trị nhà hàng | DL607057 |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  |
| Quản trị lễ tân khách sạn  | DL606041 |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  |
| Tổ chức sự kiện  | DL607056 |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| Giám sát khách sạn | DL606042 |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| Tiếng Anh chuyên ngành du lịch  | NN605036 |  |  | x | x |  |  | x |  |  |  |
| Lễ tân ngoại giao  | DL606044 |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| Kỹ năng thuyết trình và đàm phán | DL605017 |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| An ninh khách sạn  | DL606045 |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| Quản trị khu nghỉ dưỡng | DL606050 |  | x | x |  | x | x |  |  |  |  |
| Quản trị du lịch MICE | DL607058 |  | x | x |  |  |  |  |  |  |  |
| Quản trị du lịch tàu thủy  | DL606051 |  | x | x |  |  | x |  |  |  |  |
| Quản trị dịch vụ giải trí | DL606052 |  | x | x |  |  | x |  |  |  |  |
| Thực tập 1 (2 tuần) | DL606046 | x | x | x |  |  |  | x | x | x | x |
| Thực tập 2 ( 8 tuần ) | DL606047 |  | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Thực tập 3 (12 tuần) | DL606048 |  | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP | DL606049 |  | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| HP THAY KLTN |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Khởi nghiệp kinh doanh  | DL605018 |  | x | x | x |  |  |  |  |  | x |
| Du lịch trách nhiệm  | DL606028 |  | x | x | x |  |  |  |  | x |  |
| Quản trị thương hiệu | DL606043 |  |  |  |  | x | x | x |  |  | x |

# 2.3. Mô tả vắn tắt nội dung từng học phần

**Bảng 8. Bảng mô tả nội dung học phần**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần**  | **Mô tả** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | LLCT1 | Triết học Mác - Lênin | Học phần cung cấp cho người học kiến thức triết học biểu hiện qua các nguyên lý, phạm trù, quy luật,từ đó hình thành kĩ năng vận dụng các kiến thức triết học vào giải thích sự vận động của tự nhiên, xã hội, tư duy con người trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng. |
|  | LLCT2 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, đồng thời phân tích những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Qua đó giúp người học luận giải được một số vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế; tin tưởng vào con đường phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. |
|  | LLCT4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Qua đó, hình thành kỹ năng tổng hợp, phân tích, vận dụng những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào trong hoạt động thực tiễn; đồng thời bồi dưỡng niềm tin, lập trường cách mạng, xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành. |
|  | LLCT5 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó, khẳng định những thành tựu, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. |
|  | PHG1001 | Giáo dục thể chất 1 | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ thuật cơ bản về các bài tập thể dục tay không 9 động tác, thể dục 32 động tác với vòng, thể dục 32 động tác với gậy; rèn luyện cho người học kỹ năng thực hiện các kỹ thuật của một số môn điền kinh như chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình. |
|  | PHG1002 | Giáo dục thể chất 2 | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu, cách thức tổ chức thi đấu và các bài tập phát triển tốt chất, bài tập bổ trợ chuyên môn của một trong các môn: Bơi lội, bóng đá, bóng bàn, bóng chuyền, bóng rổ, nhảy dây – đá cầu, cầu lông. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tập luyện và thi đấu các môn thể thao được giảng dạy, biết vận dụng các kiến thức môn học vào rèn luyện thân thể, xây dựng ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất. |
|  | NSG1001 | Giáo dục quốc phòng | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: Những vấn đề cơ bản học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. |
|  | MAT1001 | Xác suất thống kê - ứng dụng | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng tính toán, cần thiết về xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, hàm phân phối xác suất, một số phân phối xác suất thường dùng; phần thống kê trang bị cho người học về lý thuyết mẫu, các bài toán ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan và hồi quy tuyến tính; đồng thời trang bị cho người học kỹ năng sử dụng phần mềm để xử lí số liệu thống kê. |
|  | LAW1001 | Pháp luật đại cương | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật; về các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam (đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nội dung cơ bản của ngành luật); có khả năng tự nghiên cứu luật, vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề có liên quan đến công việc của bản thân. |
|  | CB605009 | Luật kinh tế | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật kinh tế: quy chế pháp lý về các loại hình doanh nghiệp (khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ... của các chủ thể kinh doanh); vấn đề điều kiện, thủ tục đăng ký kinh doanh; hợp đồng mua bán hàng hóa trong thương mại (nội dung hợp đồng, kỹ năng soạn thảo hợp đồng, giao kết và thực hiện hợp đồng...); các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại; vấn đề giải thể, phá sản doanh nghiệp. Qua đó người học có thể tự nghiên cứu, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn. |
|  | PSY2014 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học nhằm mục đích nâng cao chất lượng của các đề cương và các luận văn tốt nghiệp. Qua các thí dụ cu thể, các tiến trình trong nghiên cứu khoa học được bổ sung bởi những mô hình và lý thuyết để bồi dưỡng cho người học về phương pháp thực dụng trong nghiên cứu khoa học; cách đặt vấn đề khoa học, phương pháp giải quyết các bài toán trong tin học, áp dụng các thủ thuật sáng tạo trong các bài toán tin học, các phương pháp suy luận, tư duy giả thuyết khoa học, cách viết bài báo khoa học và các vấn đề liên quan đến đạo đức của người làm khoa học. |
|  | INT1001 | Tin học ứng dụng | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin (CNTT), tập trung vào hệ điều hành và các phần mềm tin học văn phòng thông dụng (soạn thảo văn bản, bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu). Ngoài ra, học phần cũng trang bị một số kiến thức về Internet, cách sử dụng trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Bên cạnh đó, học phần này cũng giới thiệu và rèn luyện một số kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động nghề nghiệp phù hợp ngành đào tạo của sinh viên. Từ đó, người học có khả năng sử dụng máy tính phục vụ việc học tập, nghiên cứu và những công việc cần ứng dụng CNTT trong nghề nghiệp sau này. |
|  | VLL1002 | Soạn thảo văn bản | Học phần cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn bản và các loại văn bản (nói - viết) được sử dụng hàng ngày trong công việc và trong cuộc sống. Rèn luyện cho người học các kĩ năng tiếng Việt phù hợp, giúp họ tự tin sử dụng các kĩ năng và năng lực tiếng Việt trong giao tiếp và soạn thảo các loại văn bản nhằm phục vụ tốt việc học tập, nghiên cứu tại trường Đại học cũng như công việc sau này. Học phần còn giúp người học rèn luyện kĩ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng về người lao động có kĩ năng sử dụng tiếng Việt và kĩ năng soạn thảo văn bản. |
|  | VLL1003 | Nghiệp vụ văn phòng | Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng quản trị văn phòng như: chức năng, nhiệm vụ của văn phòng, quản trị văn phòng; công tác tổ chức văn phòng từ đó người học có khả năng xây dụng chương trình, kế hoạch, lịch làm việc của cơ quan, tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo và các chuyến đi công tác cho lãnh đạo; Mặt khác, học phần trang bị cho người học nghiệp vụ văn thư, lưu trữ; kỹ năng soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản hành chính.  |
|  | NN601031 | Tiếng AnhCơ bản 1 | Học phần dành cho người học có năng lực Tiếng Anh dưới bậc 1 (Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm, và kỹ năng cơ bản, từ đó người học có thể giới thiệu bản thân, hỏi đáp những vấn đề về nơi sinh sống, về những người xung quanh, tương tác một cách đơn giản với tốc độ nói chậm, rõ ràng. |
|  | NN601032 | Tiếng Anh Cơ bản 2 | Tiếp nối học phần tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 cung cấp các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm và kỹ năng cho người đã đạt bậc 1 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Sau khi học xong học phần, người học có thể giao tiếp ở mức cơ bản các vấn đề liên quan đến thói quen sinh hoạt, các cách diễn đạt đơn giản chủ đề về môi trường xung quanh và các vấn đề cơ bản thiết yếu khác. |
|  | NN601033 | Tiếng Anh Cơ bản 3 | Học phần cung cấp các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm và kỹ năng cho người đã đạt bậc 2 mức thấp. Người học có thể giao tiếp ở mức cơ bản ở Bậc 2 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) các chủ đề đề về mua sắm, địa lý địa phương và nghề nghiệp, và giao tiếp trực tiếp với người nước ngoài ở mức độ cơ bản. |
|  | NN601034 | Tiếng AnhNâng cao 1 | Học phần dành cho người học đã đạt bậc 2 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam), cung cấp các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm, văn hoá và kỹ năng tiếng, giao tiếp liên văn hoá cở mưc độ trên mức cơ bản. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng Tiếng Anh tương đối độc lập với các chủ đề nghề nghiệp, học, sở thích, giải trí, hoài bão, dự dịnh và quan điểm. |
|  | NN601035 | Tiếng AnhNâng cao 2 | Học phần cung cấp cho đối tượng người học đã đạt năng lực Tiếng Anh ở mức thấp bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Sau khi học xong học phần, người học có thể sử dụng tiếng Anh ở mức bậc 3 trở lên (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam): giao tiếp một cách đôc lập các chủ đề, lĩnh vực trong cuộc sống và tranh luận, lý giải các vấn đề ở mức tương đối độc lập. |
|  | DL605001 | Kinh tế du lịch | Học phần trang bị cho người học các kiến thức tổng quát về du lịch như lịch sử hình thành, điều kiện phát triển của du lịch, tính thời vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch – khách sạn, lao động và chất lượng dịch vụ du lịch. Qua đây, người học có hiểu biết cơ bản về du lịch, là tiền đề kiến thức để nghiên cứu các môn học chuyên ngành.  |
|  | DL606026 | Kinh tế vi mô | Học phần trang bị cho người học những kiến thức về bản chất của kinh tế học vi mô, mối quan hệ với kinh tế học vi mô, những vấn đề cơ bản của doanh nghiệp và thị trường. Qua đây người học có khả năng phân tích các vấn đề của doanh nghiệp, xem xét các yếu tố biến động cung cầu trên thị trường, hành vi người tiêu dùng để tìm ra sự lựa chọn tối ưu cho doanh nghiệp.  |
|  | DL606027 | Kinh tế vĩ mô | Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về nền kinh tế, các chính sách kinh tế cơ bản của các quốc gia. Qua đây, người học hiểu công cụ điều tiết nền kinh tế của nhà nước khi xảy ra lạm phát, thất nghiệp, chính sách của nền kinh tế mở, xác định được tổng cầu và tổng sản lượng quốc dân. |
|  | DL606029 | Quản trị học |  Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về quản trị cũng như việc vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra). Qua đây, người học được cập nhật một số vấn đề mới về quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị trong môi trường toàn cầu, quản trị sự thay đổi. |
|  | DL606030 | Nguyên lý kế toán | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán gồm: Một số vấn đề chung về hoạch toán kế toán, Phương pháp chứng từ kế toán, Phương pháp tài khoản kế toán. Sau khi học, người học có phương pháp tính giá, kế toán các quá trình kinh tế chủ yếu, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, lập sổ kế toán và hình thức kế toán.  |
|  | DL606031 | Tài chính tiền tệ | Tài chính tiền tệ là học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ. Sau khi học xong, người học có được những hiểu biết cơ bản về tài chính, ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng, tài chính quốc tế. |
|  | DL607054 | Văn hóa ẩm thực | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: đặc điểm văn hoá ẩm thực nói chung, văn hoá ẩm thực Việt Nam và một số nước tiêu biểu trên thế giới. Người học sau khi học xong có khả năng nhận diện khái quát chung về văn hoá ẩm thực và văn hoá ẩm thực Việt Nam cũng như một số nền văn hoá ẩm thực trên thế giới.  |
|  |  | Cơ sở văn hóa Việt Nam | Học phần cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn hoá, văn hoá học, văn minh, lịch sử hình thành văn hoá Việt Nam. Qua đây, người học xác định được bản sắc văn hoá Việt Nam, những giá trị về văn hóa vật thể và văn hoá phi vật thể trong sự giao thoa văn hoá với các nước trong khu vực, đặc biệt với văn hoá Trung Hoa, với các nước phương Tây trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá. |
|  |  | Địa chí Quảng Ninh | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hoá, lịch sử của tỉnh Quảng Ninh để từ đó giúp người học có thể tự tin đón tiếp và phục vụ khách du lịch hiệu quả. |
|  |  | Tiến trình lịch sử Việt Nam | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức vừa cơ bản, vừa hệ thống về quá trình phát triển liên tục của lịch sử Việt Nam từ khởi thủy cho đến ngày nay. Học phần bao gồm những nội dung lớn sau: Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1858; Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 cho đến nay. |
|  | DL605018 | Khởi nghiệp kinh doanh | Khởi nghiệp kinh doanh là học phần trang bị chủ yếu cho người học những hiểu biết cơ bản về khởi sự và tạo lập một doanh nghiệp du lịch. Sau khi học xong, người học có được ý tưởng kinh doanh, phát triển các ý tưởng kinh doanh và phân tích đánh giá dịch vụ du lịch và lữ hành, lựa chọn ý tưởng kinh doanh; vận dụng được các bước của khởi sự doanh nghiệp, những quy định và thủ tục thành lập doanh nghiệp; lập kế hoạch kinh doanh. |
|  | DL606028 | Du lịch trách nhiệm | Học phần này trang bị cho người học kiến thức về môi trường du lịch, các nguyên tắc và biện pháp quản lý tài nguyên môi trường trong khách sạn, kiến thức vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động. Qua đó, người học hiểu biết về khoa học môi trường, khái niệm, biết vận dụng các nguyên tắc của du lịch trách nhiệm vào bảo vệ môi trường khách sạn, quản lý vệ sinh thực phẩm, quản lý an toàn lao động. |
|  | DL605006 | Tâm lý khách du lịch | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về tâm lý, tâm lý khách du lịch. Thông qua quá trình giảng dạy, thảo luận, bài tập nhóm, trao đổi, người học hiểu biết thêm về tâm lý khách du lịch nói chung, rút ra được cách phục vụ phù hợp theo tâm lý khách, hiểu và rèn luyện được một số đặc điểm tâm lý của bản thân thích ứng với đặc trưng công việc trong ngành du lịch. |
|  | DL605007 | Giao tiếp trongkinh doanh | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về giao tiếp, giao tiếp trong kinh doanh Qua đây, người học được rèn luyện kỹ năng về giao tiếp phục vụ cho công việc, hoạt động phục vụ khách du lịch và cuộc sống. |
|  | DL605009 | Marketing du lịch | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết chung về marketing và Marketing du lịch. Qua đó, người học biết phân tích, vận dụng chiến lược marketing bao gồm chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến… vào kinh doanh du lịch, khách sạn. |
|  | DL606034 | Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch | Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về dịch vụ và chất lượng dịch vụ du lịch. Qua đây, người học biết quản trị chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch, đảm bảo và cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ du lịch, kiểm soát chất lượng bằng thống kê. |
|  | DL607056 | Tổ chức sự kiện  | Tổ chức sự kiện là môn học cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng tổ chức các sự kiện trong và ngoài khách sạn. Qua đây, người học biết lập kế hoạch và ngân sách cho sự kiện, chuẩn bị tổ chức sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện, tổng kết đánh giá sự kiện, kỹ năng tổ chức một số sự kiện. |
|  | DL605016 | Quản trị nhân lực du lịch | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực và quản trị nhân lực. Sau khi học xong, người học biết phân tích công việc, hoạch định, tuyển dụng nhân lực; tổ chức lao động định mức; đào tạo phát triển; đánh giá và đãi ngộ nhân lực; quan hệ lao động trong một tổ chức. |
|  | DL606033 | Tổng quan kinh doanh khách sạn | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh doanh khách sạn. Sau khi học xong, người học có hiểu biết cơ bản về cơ sở vật chất khách sạn; quy trình đầu tư xây dựng và phát triển khách sạn; lãnh đạo, cơ cấu tổ chức trong khách sạn; tổ chức hoạt động kinh doanh một số dịch vụ trong khách sạn và các yếu tố liên quan đến hiệu quả kinh doanh khách sạn. |
|  | DL606038 | Nghiệp vụ lễ tân | Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về bộ phận, yêu cầu lao động của người nhân viên, các kiến thức về sản phẩm, dịch vụ trong khách sạn. Sau khi học xong, người học thực hiện được quy trình giới thiệu chào bán, nhận đặt buồng và các dịch vụ cho khách; thực hiện quy trình đăng ký cho khách, xử lý các tình huống lễ tân.  |
|  | DL606039 | Nghiệp vụ buồng khách sạn | Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ buồng bao gồm tổ chức của bộ phận, yêu cầu lao động nghề buồng. Qua đây, người học thực hiện được công tác nghiệp vụ chuẩn bị phòng, phục vụ phòng và xử lý các tình huống khi phục vụ phòng.  |
|  | DL606036 | Nghiệp vụ pha chế đồ uống | Học phần trang bị cho người học các kiến thức về tổ chức bộ phận pha chế trong khách sạn. Học xong, người học có khả năng pha chế được đồ uống có cồn và không cồn theo tiêu chuẩn. |
|  | DL606037 | Nghiệp vụ nhà hàng | Học phần trang bị cho người học các kiến thức khái quát chung về nhà hàng, quy trình nghiệp vụ phục vụ ăn uống. Sau khi học xong, người học có kỹ năng chuẩn bị làm việc, chuẩn bị nhà hàng, kỹ thuật bày bàn ăn, và phục vụ ăn uống theo tiêu chuẩn. |
|  | DL607055 | Nghiệp vụ chế biến món ăn cơ bản | Học phần trang bị cho người học các kiến thức về phương pháp chế biến món ăn cơ bản; thực hành chế biến một số món ăn Á, Âu, hiêu biết về các loại xốt Âu, Á. Đây là học phần bổ trợ kiến thức cho học phần nghiệp vụ nhà hàng, quản trị nhà hàng.  |
|  | DL606042 | Giám sát khách sạn | Học phần trang bị cho người học kiến thức tổng quan về giám sát trong khách sạn. Qua đây, người học được hình thành năng lực lãnh đạo của giám sát viên, có kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng nhóm làm việc, quản lý thời gian và quản lý sự thay đổi, tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên. |
|  | DL606041 | Quản trị lễ tân khách sạn | Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về quản trị bộ phận lễ tân. Qua các bài học, người học biết giám sát các hoạt động thường ngày, quản lý nhân lực, đào tạo, quản lý doanh thu, Quản lý chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách; đánh giá kết quả hoạt động bộ phận lễ tân. |
|  | DL606040 | Quản trị bar và đồ uống | Học phần trang bị cho người học kiến thức về quản trị dịch vụ đồ uống trong các khác sạn, nhà hàng, quán bar. Sau khi học xong, người học biết cách thức tổ chức kinh doanh đồ uống, tổ chức quản lý điều hành quầy bar và tổ chức phục vụ đồ uống. |
|  | DL606039 | Quản trị buồng khách sạn | Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về chức năng, nhiệm vụ bộ phận buồng, tổ chức lao động bộ phận buồng, các chi phí của bộ phận và quy trình nghiệp vụ. Sau khi học xong, người học có khả năng tính toán định mức lao động buồng, quản lý tiêu hao vật tư, quản lý các hoạt động hàng ngày.  |
|  | DL607057 | Quản trị nhà hàng | Học phần trang bị cho người học các kiến thức: Giới thiệu chung về bộ phận nhà hàng trong khách sạn, Quản lý cơ sở vật chất nhà hàng, Quản lý thực đơn, Quản lý chất lượng dịch vụ ăn uống, Quản lý tiệc… Qua đó, người học biết cách quản lí tốt hoạt động của nhà hàng. |
|  | DL606043 | Quản trị thương hiệu | Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về lĩnh vực thương hiệu và quảng cáo, Học xong, người học có khả năng xây dựng chiến lược thương hiệu, phát triển và duy trì hương hiệu; nghệ thuật quảng cáo. |
|  | DL606050 | Quản trị khu nghỉ dưỡng | Học phần trang bị cơ sở lý luận về khu nghỉ dưỡng cho người học. Qua đây, người học biết quản lý các loại hình nghỉ dưỡng, quản lý kinh doanh ẩm thực, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ bổ sung khác trong khi nghỉ dưỡng. |
|  | DL606044 | Lễ tân ngoại giao | Học phần trang trị cho người học các kiến thức về các công việc đón tiếp đảm bảo nghi thức ngoại giao. Qua đây, người học biết đón tiếp, sắp xếp chỗ ngồi trên xe, ngôi thứ, nghi thức treo cờ, dự tiệc chiêu đãi…theo nghi thức quốc tế. |
|  | DL605017 | Kĩ năng thuyết trình và đàm phán | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kĩ năng thuyết trình và đàm phán như: khái niệm, những nguyên tắc thuyết trình và đàm phán. Sau khi học xong, người học biết vận dụng các phương pháp đàm phán trong kinh doanh quốc tế. |
|  | DL606045 | An ninh khách sạn | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về trang thiết bị an ninh trong khách sạn, tổ chức bộ phận an ninh. Qua đây, người học có được kỹ năng phòng cháy, kỹ năng xử lý tình huống đánh bom, mất cắp, gây rối của đối tượng lạ, quản lý tài sản khách sạn. |
|  | DL606046 | Thực tập 1(4 tuần) | Thực tập 1 giúp người học có cơ hội tìm hiểu về chuyên ngành mình đang theo học thông qua chương trình tham quan học tập thực tế, bước đầu tìm hiểu và quan sát mô hình hoạt động của các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, du thuyền. Qua đó người học có cái nhìn tổng quan về nghề nghiệp và tăng cường sự hiểu biết về chuyên ngành, có động lực trong học tập. |
|  | DL606047 | Thực tập 2( 8 tuần) | Thực tập 2 là chương trình trải nghiệm. Bằng các kiến thức đã học, người học có cơ hội được trải nghiệm - gắn lí thuyết với thực hành.  |
|  | DL606048 | Thực tập 3(12 tuần) | Đây là chương trình thực tập tốt nghiệp mang ý nghĩa quan trọng nhằm đánh giá cả quá trình học tập, tạo điều kiện để người học đưa các kiến thức đã học áp dụng vào thực tế. Người học trực tiếp làm việc tại các doanh nghiệp, quan sát, nghiên cứu đề xuất các giải pháp làm tăng hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp thông qua báo cáo thực tập tốt nghiệp. |
|  | DL606049 | Khóa Luận tốt nghiệp | Dành cho người học có điểm trung bình học tập đạt từ 7,0 trở lên. Người học được độc lập lựa chọn đề tài phù hợp với ngành học, thế mạnh hiểu biết của bản thân; thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong trường và các cán bộ thuộc cơ sở thực tập; hoàn thành học phần và báo cáo trước hội đồng. Học phần này giúp người học hệ thống kiến thức chuyên ngành, rèn luyện kĩ năng làm việc độc lập, phát huy tinh thần sáng tạo, kĩ năng tổng hợp kiến thức, tìm hiểu, phân tích, đánh giá và xử lý thông tin cũng như kĩ năng viết một báo cáo khoa học. |
|  | DL606051 | Quản trị du lịch tàu thủy | Quản trị du lịch tàu thủy là học phần đào tạo sản phẩm đặc thù của Quảng Ninh, trang bị cho người học kiến thức về quy trình phục vụ của các bộ phận, tổ chức tham quan du lịch, quản lý thuyền viên; các hoạt động dịch vụ, quản lý hàng hóa, doanh thu; cách phòng tránh, kiểm soát và chữa cháy trên tàu thủy; ứng phó với các trường hợp khẩn cấp trên tàu. Qua đây, người học có khả năng quản lí tốt dịch vụ du lịch tàu thủy. |
|  | DL606052 | Quản trị các dịch vụ giải trí | Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quản trị khu giải trí. Qua đây người học biết quản lý các hoạt động hàng ngày của khu giải trí, các dịch vụ trong khu giải trí, quản lý con người và chất lượng sản phẩm.  |
|  | DL607058 | Quản trị du lịch MICE | Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về du lịch MICE. Học xong, người học biết cách tiếp thị và bán sản phẩm du lịch MICE, tổ chức kinh doanh và phục vụ thị trường khách MICE trong khách sạn, quản trị các dịch vụ cung cấp cho du lịch MICE, thị trường cao cấp và du lịch MICE. |
|  | DL606032 | Thanh toán quốc tế trong du lịch | Học phần trang bị cho người học kiến thức về tỷ giá hối đoái, các phương thức thanh toán quốc tế trong du lịch và các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng sử dụng trong du lịch. Qua làm bài tập, người học có được kỹ năng thanh toán quốc tế trong du lịch. |

# 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2022 cho sinh viên ngành Quản trị khách sạn.

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với kiến thức tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các giảng viên phát triển đề cương chi tiết học phần nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu của CTĐT được đáp ứng, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, các giảng viên phụ trách học phần có trách nhiệm xây dựng, trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch triển khai cụ thể.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật định kì mỗi 2 năm/ 1 lần hoặc khi khoa đào tạo nhận thấy cần thiết phải cập nhật đột xuất để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan làm đề xuất trình Ban Giám hiệu xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Trung Vỹ**